

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

**LỆNH của Chủ tịch Hội đồng
Nhà nước số 61-LCT/HĐNN
8 ngày 19-9-1991 công bố
Pháp lệnh bảo hộ lao động.**

*Căn cứ vào Điều 58 và Điều 100 của
Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam;*

*Pháp lệnh này quy định về bảo hộ lao
động.*

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

*Căn cứ vào Điều 100 của Hiến pháp
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
và Điều 34 của Luật Tổ chức Quốc hội và
Hội đồng Nhà nước,*

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh bảo hộ lao động đã được Hội
đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam thông qua ngày 9 tháng
9 năm 1991

T.M. Hội đồng Nhà nước
Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

*Điều 1. - Mọi tổ chức, cá nhân sử dụng
lao động, gọi chung là người sử dụng lao
động và mọi người lao động, kể cả tổ chức,
cá nhân nước ngoài sử dụng lao động hoặc
lao động trên lãnh thổ Việt Nam, đều phải
thực hiện việc bảo hộ lao động theo quy
định của Pháp lệnh này.*

*Điều 2. - Nhà nước chăm lo việc bảo
đảm cho người lao động được làm việc
trong điều kiện an toàn, vệ sinh phù hợp
với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.*

Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội
có trách nhiệm phối hợp chăm lo, bảo vệ
quyền của người lao động làm việc trong
điều kiện an toàn, vệ sinh.

*Điều 3. - Mọi người lao động có quyền
được bảo đảm điều kiện làm việc an toàn,
vệ sinh và có nghĩa vụ thực hiện những
quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao
động.*

*Điều 4. - Người sử dụng lao động có
nghĩa vụ bảo đảm điều kiện làm việc an
toàn, vệ sinh và không ngừng cải thiện
điều kiện lao động của người lao động.*

*Điều 5. - Mọi người lao động, người sử
dụng lao động phải có hiểu biết về bảo hộ
lao động, về các tiêu chuẩn an toàn lao
động, vệ sinh lao động liên quan đến công
việc, nhiệm vụ của mình.*

PHÁP LỆNH bảo hộ lao động

*Để bảo đảm cho người lao động có
quyền làm việc trong điều kiện an toàn,
vệ sinh; nâng cao trách nhiệm của người
sử dụng lao động và người lao động, tăng
cường hiệu lực quản lý Nhà nước về bảo
hộ lao động nhằm phòng ngừa tai nạn
lao động, bệnh nghề nghiệp và từng bước
cải thiện điều kiện lao động;*

Điều 6. - Tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động là tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng.

Tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động áp dụng cho nhiều ngành trong phạm vi cả nước do Hội đồng Bộ trưởng hoặc cơ quan được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền ban hành.

Tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động áp dụng riêng trong một ngành do cơ quan Nhà nước quản lý ngành đó ban hành phù hợp với những tiêu chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh lao động do Hội đồng Bộ trưởng ban hành.

Điều 7. - Việc nghiên cứu khoa học - kỹ thuật bảo hộ lao động, việc sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các loại dụng cụ, thiết bị, phương tiện bảo vệ người lao động được Nhà nước khuyến khích bằng các chính sách, biện pháp thích hợp.

Chương II

AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 8. - Việc xây dựng mới hoặc mở rộng, cải tạo cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ các loại máy, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh, phải có luận chứng về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường xung quanh.

Luận chứng này phải được các cơ quan thanh tra Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động chấp thuận.

Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh do Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hoặc Bộ Y tế quy định theo thẩm quyền quản lý của mình.

Điều 9. - Máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng phải được thiết kế, chế tạo, xây dựng

và định kỳ tu sửa theo tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Máy, thiết bị, công nghệ nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Điều 10. - Việc sản xuất, sử dụng, bảo quản, vận chuyển các loại máy, thiết bị, vật tư, năng lượng, điện, hóa chất, thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt chuột, phân bón; việc thay đổi công nghệ, nhập khẩu công nghệ mới phải được thực hiện theo tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động; đối với các loại có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh thuộc danh mục theo quy định tại Điều 8 của Pháp lệnh này, thì phải được khai báo, đăng ký với cơ quan thanh tra Nhà nước về an toàn lao động, hoặc vệ sinh lao động.

Điều 11. - Nơi làm việc phải bảo đảm về không gian, độ thoáng, độ sáng, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép về hơi, khí độc, bụi, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung và các yếu tố có hại khác. Các yếu tố đó phải được kiểm tra đo lường định kỳ.

Nghiêm cấm việc thải vào không khí, nguồn nước hoặc đất đai các chất gây độc, hại khi việc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

Điều 12. - Nơi làm việc, nơi đặt máy, thiết bị, nơi có chất nguy hại phải có bảng chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động đặt ở vị trí mà mọi người dễ thấy, dễ đọc.

Điều 13. - Trong trường hợp nơi làm việc, máy, thiết bị có nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, phải thực hiện ngay những biện pháp khắc phục nguy cơ đó hoặc phải ngừng hoạt động.

Thanh tra Nhà nước về an toàn lao động hoặc vệ sinh lao động có quyền quyết định tạm đình chỉ hoạt động đối với các trường hợp nói tại đoạn 1, Điều này, nếu chưa có biện pháp khắc phục có hiệu quả. Quyết định của Thanh tra có hiệu lực bắt buộc thi hành.

Điều 14. - Nơi làm việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại dễ gây tai nạn lao động phải được trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế thích hợp để tổ chức cấp cứu kịp thời khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

Điều 15. - Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại phải được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

Phương tiện bảo vệ cá nhân phải đạt tiêu chuẩn chất lượng, quy cách đã được Nhà nước ban hành. Việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động thực hiện theo quy định của Bộ lao động - Thương binh và xã hội.

Chương III

BẢO VỆ SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG LAO ĐỘNG

Điều 16. - Khi sắp xếp lao động, phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại việc.

Người lao động phải được khám sức khỏe trước khi tuyển dụng, khám sức khỏe định kỳ theo chế độ quy định.

Điều 17. - Người làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hại được bồi dưỡng bằng hiện vật, được hưởng chế độ ưu đãi về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi theo quy định của pháp luật.

Người làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng, khi hết giờ làm việc phải được thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng, vệ sinh cá nhân theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 18. - Người tàn tật do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nếu còn tiếp tục làm việc, thì được sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

Điều 19. - Không được sử dụng lao động nữ làm những công việc nặng nhọc, nguy hại hoặc những công việc phải trực tiếp

với hóa chất độc, thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt chuột có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh đẻ và nuôi con.

Không được sử dụng người dưới 18 tuổi làm công việc ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể lực và trí lực của họ.

Danh mục những công việc không được sử dụng lao động nữ, người dưới 18 tuổi do Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định.

Chương IV

TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Điều 20. - Tai nạn lao động là tai nạn làm chết người hoặc làm tổn thương bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

Người bị tai nạn lao động phải được cấp cứu kịp thời.

Điều 21. - Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do tác động của điều kiện lao động có hại đối với người lao động. Danh mục các loại bệnh nghề nghiệp do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

Người bị bệnh nghề nghiệp được điều trị bệnh chu đáo, được khám sức khỏe định kỳ, có hồ sơ sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.

Không được sử dụng người đang bị bệnh nghề nghiệp tiếp tục làm việc ở môi trường đã gây ra bệnh.

Điều 22. - Người bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp được hưởng nguyên tiền công, tiền lương kể cả phụ cấp trong thời gian điều trị, điều dưỡng; được trợ cấp, bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 23. - Tất cả các vụ tai nạn lao động, các trường hợp bị bệnh nghề nghiệp

đều phải được khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê và báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm mọi hành vi che giấu, khai báo hoặc báo cáo sai sự thật về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 24. - Người sử dụng lao động có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động, các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, chế độ báo cáo điều kiện lao động, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác về bảo hộ lao động;

2. Phải chịu trách nhiệm về việc để xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động thuộc quyền quản lý của mình;

3. Phải thỏa thuận với Ban Chấp hành công đoàn hoặc người đại diện của tập thể người lao động về các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động;

4. Tổ chức việc khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động; thanh toán các khoản chi phí khám sức khỏe, điều trị, điều dưỡng người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

5. Xây dựng các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho từng loại máy, thiết bị và nơi làm việc theo tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động của Nhà nước;

6. Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn người lao động về những quy định, biện pháp làm việc an toàn, vệ sinh liên quan đến nhiệm vụ, công việc của họ;

7. Tổ chức việc tự kiểm tra công tác bảo hộ lao động, thực hiện những biện pháp loại trừ các nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; xây dựng phương án xử lý và cấp cứu khi xảy ra sự cố hoặc tai nạn lao động;

8. Phải cung cấp tài liệu, số liệu, tình hình liên quan đến nội dung thanh tra, điều tra theo yêu cầu của thanh tra Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động; chấp hành các quyết định của thanh tra.

Điều 25. - Người sử dụng lao động có quyền:

1. Buộc người lao động phải chấp hành các quy định, chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động khi làm việc;

2. Khen thưởng người thực hiện tốt quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động và xử lý kỷ luật những người vi phạm;

3. Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các quyết định của thanh tra Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Điều 26. - Người lao động có quyền:

1. Yêu cầu người sử dụng lao động bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh theo quy định của Nhà nước và huấn luyện, hướng dẫn cho mình các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động;

2. Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình, nhưng phải báo ngay với người có trách nhiệm; hành vi này không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động;

3. Khiếu nại, tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi phải làm việc trong điều kiện không bảo đảm an toàn, vệ sinh hoặc khi người sử dụng lao động vi phạm các quy định về bảo hộ lao động.

Điều 27. - Người lao động có nghĩa vụ:

1. Nắm vững các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao;

2. Thực hiện những quy định, chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động; giữ gìn và sử dụng các dụng cụ, thiết bị an toàn, vệ sinh, phương tiện bảo vệ cá nhân; trong trường hợp làm hư hỏng hoặc làm mất các dụng cụ, thiết bị, phương tiện đó thì phải bồi thường;

3. Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động.

Điều 28. - Tranh chấp phát sinh giữa người lao động với người sử dụng lao động về bảo hộ lao động được giải quyết theo trình tự giải quyết tranh chấp lao động.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Điều 29. - Quản lý Nhà nước về bảo hộ lao động bao gồm:

1. Xây dựng và ban hành các quy định về bảo hộ lao động;

2. Xây dựng chương trình quốc gia về bảo hộ lao động và đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách của Nhà nước;

3. Thanh tra việc thực hiện các quy định về bảo hộ lao động.

Điều 30. - Hội đồng Bộ trưởng thực hiện thống nhất việc quản lý Nhà nước về bảo hộ lao động trong phạm vi cả nước.

Điều 31. - 1. Bộ Lao động - Thương binh và xã hội có trách nhiệm giúp Hội đồng Bộ trưởng quản lý việc thực hiện công tác bảo hộ lao động; đề xuất phương hướng, chương trình quốc gia về: cải thiện điều kiện lao động; nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động;

xây dựng, sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn an toàn lao động; tranh tra Nhà nước về an toàn lao động; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thanh tra viên; hợp tác quốc tế về bảo hộ lao động.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm giúp Hội đồng Bộ trưởng quản lý việc thực hiện công tác bảo đảm vệ sinh lao động; đề xuất phương hướng, chương trình quốc gia về: vệ sinh lao động; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn vệ sinh lao động, các loại bệnh nghề nghiệp, bảo vệ sức khỏe người lao động; tổ chức giám định y khoa, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và điều trị người bị bệnh; thanh tra Nhà nước về vệ sinh lao động; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thanh tra viên; hợp tác quốc tế về vệ sinh lao động.

3. Ủy ban Khoa học Nhà nước có trách nhiệm giúp Hội đồng Bộ trưởng quản lý việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, việc xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động, tiêu chuẩn chất lượng, quy cách phương tiện bảo vệ người lao động.

Điều 32. - Bộ Giáo dục và đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc đưa nội dung bảo hộ lao động vào chương trình giảng dạy trong các trường, lớp kỹ thuật, nghiệp vụ, quản lý.

Điều 33. - Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong phạm vi chức năng của mình có trách nhiệm bảo đảm việc thi hành pháp luật về bảo hộ lao động; tổ chức và phân cấp trách nhiệm hợp lý để bảo đảm việc thực hiện.

Điều 34. - Hội đồng quốc gia về bảo hộ lao động do Hội đồng Bộ trưởng thành lập làm nhiệm vụ tư vấn cho Hội đồng Bộ trưởng và tổ chức việc phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp về bảo hộ lao động.

Thành phần của Hội đồng gồm đại diện của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Y tế, Nội vụ, Tài chính, Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Ủy ban khoa học Nhà nước, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội làm Chủ tịch.

Chương VII

THANH TRA NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 35. - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và cơ quan quản lý Nhà nước về Lao động - Thương binh và xã hội ở địa phương thực hiện chức năng thanh tra Nhà nước về an toàn lao động.

Bộ Y tế và cơ quan quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương thực hiện chức năng thanh tra Nhà nước về vệ sinh lao động.

Hội đồng Bộ trưởng quy định tổ chức thanh tra Nhà nước về an toàn lao động, thanh tra Nhà nước về vệ sinh lao động.

Điều 36. - Thanh tra Nhà nước về an toàn lao động có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về an toàn lao động; yêu cầu hoặc kiến nghị biện pháp bảo đảm an toàn lao động, cải thiện điều kiện lao động; điều tra tai nạn lao động;

2. Đến những nơi thuộc đối tượng, phạm vi thanh tra của mình bất kỳ lúc nào để thanh tra về an toàn lao động và yêu cầu người có trách nhiệm nơi tiến hành thanh tra cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu liên quan đến thanh tra, điều tra;

3. Tạm đình chỉ việc sử dụng máy, thiết bị, nơi làm việc có nguy cơ gây tai nạn lao động và ấn định thời hạn khắc phục nguy cơ đó;

4. Cảnh cáo, phạt tiền hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra hình sự trường hợp vi phạm pháp luật về bảo hộ lao động, nếu xét thấy có dấu hiệu cấu thành tội phạm;

5. Xem xét, chấp thuận các tiêu chuẩn an toàn lao động, các giải pháp an toàn lao động trong các luận chứng kinh tế kỹ thuật, các đề án thiết kế; đăng ký và cho phép đưa vào sử dụng những cơ sở, máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định theo Điều 8 của Pháp lệnh này.

Điều 37. - Thanh tra Nhà nước về vệ sinh lao động có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thanh tra việc chấp hành các quy định về vệ sinh lao động; yêu cầu hoặc kiến nghị biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường lao động; điều tra những vụ vi phạm tiêu chuẩn vệ sinh lao động;

2. Đến những nơi thuộc đối tượng, phạm vi thanh tra của mình bất kỳ lúc nào để thanh tra về vệ sinh lao động và yêu cầu người có trách nhiệm nơi tiến hành thanh tra cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu liên quan đến việc thanh tra, điều tra;

3. Tạm đình chỉ nơi làm việc vi phạm tiêu chuẩn vệ sinh gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường lao động;

4. Cảnh cáo, phạt tiền hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra hình sự trường hợp vi phạm về vệ sinh lao động, nếu xét thấy có dấu hiệu cấu thành tội phạm;

5. Xem xét chấp thuận địa điểm, các giải pháp vệ sinh lao động khi xây dựng mới hoặc mở rộng, cải tạo cơ sở để sản xuất, sử dụng, lưu giữ các chất phóng xạ, chất độc thuộc danh mục do Bộ Y tế qui định theo Điều 8 của Pháp lệnh này.

Điều 38. - Việc thanh tra an toàn lao động trong các lĩnh vực: phóng xạ; thăm

dò, khai thác dầu khí; các phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường hàng không và các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang do các cơ quan quản lý Nhà nước ngành đó thực hiện với sự phối hợp của thanh tra Nhà nước về an toàn lao động.

Điều 39. - Thanh tra Nhà nước về an toàn lao động, thanh tra Nhà nước về vệ sinh lao động phải chịu trách nhiệm về những quyết định và biện pháp xử lý trong quá trình thanh tra.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Điều 40. - Công đoàn tham gia với cơ quan Nhà nước hữu quan xây dựng văn bản pháp luật về bảo hộ lao động, tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động; phối hợp với cơ quan Nhà nước hữu quan đề xuất chương trình nghiên cứu và nghiên cứu khoa học - kỹ thuật về bảo hộ lao động; giáo dục, tuyên truyền vận động người lao động chấp hành quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động; tham gia việc xét khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật về bảo hộ lao động.

Điều 41. - Công đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hộ lao động và có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước hữu quan, các cấp chính quyền và người sử dụng lao động thực hiện đúng pháp luật về bảo hộ lao động và tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động; có quyền yêu cầu người có trách nhiệm tạm ngừng hoạt động những nơi có nguy cơ gây tai nạn lao động; tham gia điều tra tai nạn lao động và có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý người có trách nhiệm để xảy ra tai nạn lao động.

Điều 42. - Căn cứ vào tiêu chuẩn Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động,

Ban chấp hành công đoàn cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động. Công đoàn vận động xây dựng phong trào bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và tổ chức mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

Chương IX

XỬ LÝ CÁC VI PHẠM

Điều 43. - Người không thực hiện các tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh lao động để xảy ra tai nạn lao động, gây ô nhiễm môi trường hoặc vi phạm các quy định khác của Pháp lệnh này thì tùy theo mức độ mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Nếu gây thiệt hại, thì phải bồi thường.

Điều 44. - Người thiếu tinh thần trách nhiệm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che hành vi vi phạm pháp luật về bảo hộ lao động để xảy ra tai nạn lao động, gây ô nhiễm môi trường, thì tùy theo mức độ mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Nếu gây thiệt hại, thì phải bồi thường.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 45. - Pháp lệnh này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1992.

Điều 46. - Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

T.M. Hội đồng Nhà nước
Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG